

SỞ Y TẾ KIÊN GIANG  
TRUNG TÂM Y TẾ TP. HÀ TIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/YCBG-TTYT

Hà Tiên, ngày 15 tháng 01 năm 2025

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

### **Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam**

Căn cứ luật đấu thầu số 22/2023/QH15, ngày 23/6/2023 của Quốc hội quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập; nghị định 24/2024/NĐ-CP, ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu hóa chất xét nghiệm dùng trong khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Hà Tiên năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Ông Bùi Thanh Hiệp, trưởng khoa Dược - trang thiết bị - vật tư y tế. Điện thoại: 02973.966.122. Email: [buithanhhiiepbvhtkg@gmail.com](mailto:buithanhhiiepbvhtkg@gmail.com)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

01 Bản cứng có ký tên và đóng dấu gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

01 bản file Excel gửi qua email: [buithanhhiiepbvhtkg@gmail.com](mailto:buithanhhiiepbvhtkg@gmail.com)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 8 giờ 00 ngày 15 tháng 01 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 26 tháng 01 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 25 tháng 01 năm 2025.

### **II. Nội dung yêu cầu báo giá:**

1. Danh mục hóa chất xét nghiệm dùng trong khám chữa bệnh của Trung tâm Y tế Hà Tiên năm 2025.

STT	Tên hóa chất	Thành phần, tiêu chí, thông số kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói tham khảo	Tiêu chuẩn chất lượng	Đơn Vị Tính	Số lượng
<b>I.Hóa chất xét nghiệm sử dụng đồng bộ cho máy huyết học 27 thông số Yumizen H500</b>						
1	Dung dịch pha loãng	Dung dịch đệm đẳng trương để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để bao phủ và pha loãng bạch cầu (WBC), để xác định và phân biệt các tế bào máu và đo hematocrit trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5%	20L/chùng	ISO,CE	Lít	20
2	Dung dịch ly giải	dung dịch ly giải để sử dụng trong chẩn đoán in vitro và được thiết kế để ly giải hồng cầu (RBC) cho việc đếm bạch cầu (WBC) và phân loại bạch cầu và để xác định hemoglobin trên các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical. - Dung dịch nước trong suốt và màu vàng nhạt - Thành phần: + Chất ly giải (Lysing agent) < 5% + Chất diện hoạt (Surfactant) < 5% + Chất bảo quản (Preservative) < 1% + Dung dịch đệm (Buffer) + Chất pha loãng (Diluent) vừa đủ 100%	chai 1 lít	ISO,CE	lít	3
3	Dung dịch rửa cho máy xét nghiệm huyết học	Dung dịch enzym để sử dụng trong chẩn đoán in vitro với tác dụng thủy phân protein để làm sạch các máy đếm tế bào máu của HORIBA Medical - Dung dịch nước trong suốt và không màu đến hơi vàng nhạt. - Thành phần: + Dung dịch đệm hữu cơ (Organic buffer) < 5% + Enzym thủy phân protein (Proteolytic enzyme) < 1% + Chất bảo quản (Preservative) < 1%	chai 1 lít	ISO,CE	lít	1
4	Nội kiểm 3 mức (thấp-trung bình-cao)	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp. Thuốc thử này được phân loại là không nguy hại theo đúng quy định (EC - Cộng đồng châu Âu) Số 1272/2008. - Thành phần: chứa bạch cầu (WBC), hồng cầu (RBC) và tiểu cầu (PLT) của động vật có vú được làm thành hỗn dịch ở dạng dịch giống như huyết tương.	bộ/9ml	ISO,CE	ml	9
<b>II- Hóa chất xét nghiệm, phụ kiện tương thích với máy sinh hoá tự động CA-800 Furuno</b>						

5	Hoá chất xét nghiệm HbA1c	<p>Định nồng độ HbA1c trong huyết thanh, huyết tương. Thành phần: R1: Buffer: =&lt; 20 mmol/l Latex: =&lt; 1.5 % R2a: Buffer: =&lt; 10 mmol/l Kháng thể HbA1c đơn dòng của chuột: =&lt; 5.5 mg/ dl R2b: Buffer 1: =&lt; mmol/l Kháng thể IgG dê đa kháng kháng chuột: =&lt; 67 mg/ dl Chất ổn định R3: Dung dịch tan huyết. Xác định nồng độ HbA1c trong phạm vi đo: =&lt; 3.98-15.42% DCCT / NGSP; 2-14.5% IFCC; 20 -145 mmol / mol. '- Wavelength (bước sóng): =&lt; 660nm '- Độ nhạy: : =&lt; 6.6mmol / mol HbA1c '- Đường dẫn quang (Optical path):=&lt;1 cm.</p>	<p>R1: 1x30ml + R2: 1x10ml, +R3: 125ml</p>	ISO,CE	ml	80
6	Hoá chất chuẩn chung Calibration Serum	<p>Dùng để chuẩn các thông số xét nghiệm sinh hóa. Thành phần: Mẫu hiệu chuẩn đồng khổ dựa trên huyết thanh người. Nồng độ và đặc tính phù hợp để hiệu chuẩn các xét nghiệm hóa học lâm sàng trên máy phân tích hóa học lâm sàng tự động.</p>	10x3ml/hộp	ISO	ml	30
7	Triglycerides	<p>Hóa chất xét nghiệm Triglycerides Thành phần. GOOD pH 6.3: 50 mmol/L, p-Chloropheno: 2 mmol/L, Lipoprotein lipase (LPL): 150000 U/L, Glycerol kinase (GK): 500 U/L, Glycerol-3-oxidasa (GPO): 3500 U/L, Peroxidase (POD): 440 U/L, 4 – Aminophenazone (4-AP): 0,1 mmol/L, ATP: 0,1 mmol/L</p>	R1: 6x60 ml	ISO,CE	ml	360
8	Cholesterol	<p>Hóa chất xét nghiệm Cholesterol-LQ Thành phần. + PIPES pH 6.9: 90mmol/L + Phenol: 26 mmol/L + Cholesterol esterase (CHE): 1000U/L + Cholesterol oxidase (CHOD): 300U/L + Peroxidase (POD): 650U/L + 4 – Aminophenazone (4-AP): 0.4 mmol/L</p>	R1: 6x60 ml	ISO,CE	ml	360

9	HDL - Cholesterol Direct	<p>Là hóa chất sinh hóa chạy trên máy phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ HDL DIRECT trong huyết thanh.</p> <p>R1: MES buffer (pH 6.5): =&lt; 6.5 mmol/l TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline: =&lt;3 mmol/l Polyvinyl sulfonic acid: =&lt; 50 mg/l Polyethylene-glycol-methyl ester: =&lt; 30 ml/l MgCl<sub>2</sub>: =&lt; 2 mmol/l</p> <p>R2: MES buffer (pH 6.5) : =&lt; 50 mmol/l Cholesterol esterase: =&lt; 5 kU/l Cholesterol oxidase: =&lt; 20 kU/l Peroxidase: =&lt; 5 kU/l 4-aminoantipyrine: =&lt; 0.9 g/l Detergent: =&lt; 0.5 % Measuring range (phạm vi đo): =&lt; 1.90 -&gt; = 193 mg/dl</p>	<p>R1: 4x30ml , R2: 4x10ml</p>	ISO,CE	ML	160
<b>III- Hóa chất xét nghiệm tương thích với máy nước tiểu URILYZER ® 100pro</b>						
10	Que thử nước tiểu 11 thông số	Que thử dùng để thử 11 thông số trong nước tiểu: PH, Protein, Glucose, Ketone, Urobilinogen, Bilirubin, Blood, Specific Gravity, Ascorbic Acid, Leukocytes, Nitrite, (CP)	100que/hộp	ISO,CE	Que	300
<b>IV- Hoá chất đông máu</b>						
11	Bi+Cuvet chứa mẫu tương thích cho máy xét nghiệm đông máu	<p>- Là dụng cụ chứa hóa chất và mẫu để đo kết quả trên máy xét nghiệm đông máu</p> <p>- Đóng gói: Hộp 1000 cái</p> <p>- Bảo quản: sản phẩm ở nhiệt độ phòng, nơi thoáng mát.</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 9001, ISO 13485</p>	1000 cái/hộp	ISO	Cái	1000
12	PT	<p>Hóa chất đông máu PT Test. Prothrombin Test</p> <p>Thành phần:</p> <p>- PT: Thromboplastin não thỏ, calcium cloride, chất ức chế heparin và chất bảo quản. Đông khô.</p>	6X4ML	ISO,CE	ml	24
13	APTT	<p>Hóa chất đông máu APTT Test</p> <p>Thành phần:</p> <p>- R1 Activator: Ellagic acid. Buffer and Preservatives.</p> <p>- R2 Starter: Calcium chloride (CaCl<sub>2</sub>): 0.02M</p>	<p>R1: 5x5ml R2: 5x5ml</p>	ISO,CE	ml	50
14	Fibrinogen	<p>Hóa chất đông máu FIBRINOGEN</p> <p>Thành phần:</p> <p>- R1: Bovine thrombin ≈ 100 NIH u/ml</p> <p>- R2: Imidazole Buffer, Sodium azide</p> <p>- R3: Caolin Solution</p>	8x2mL+1x100mL	ISO,CE	ml	16

IV-Hoá chất thông thường						
15	Test nhanh Syphilis	Định tính phát hiện kháng vi khuẩn giang mai trong huyết thanh hoặc huyết tương người, Kháng thể đơn dòng kháng Syphilic, kháng nguyên Syphilic tái tổ hợp, kháng thể dẻ kháng igG chuột	50test/hộp	ISO,CE	Test	50
V- Hoá chất ngoại kiểm						
16	Chương trình Ngoại kiểm Sinh Hóa	Chương trình ngoại kiểm Sinh hóa đáp ứng trên 50 thông số sinh hóa thường qui, bộ mỡ, hormones và kim loại vi lượng hoặc tương đương. Có chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/6 x 5 ml/	ISO	Hộp	1
17	Chương trình Ngoại kiểm Huyết Học	Chương trình ngoại kiểm Huyết học đáp ứng 11 thông số công thức máu hoặc tương đương. Chu kỳ bắt đầu tháng 1-12 hàng năm. Phù hợp để tham gia chương trình ngoại kiểm Riqas được triển khai tại các Trung tâm kiểm chuẩn.	Hộp/3 x 2 ml/	ISO	Hộp	1
<b>Tổng cộng: 17 KHOẢN</b>						

2. Địa điểm giao hàng: Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Địa chỉ: Số 65, Cách Mạng Tháng Tám, khu phố III, phường Tô Châu, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: tối đa 07 ngày, theo từng đợt, trong vòng 24 tháng.

4. Giá báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển ... bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

5. Mẫu báo giá của các hãng sản xuất, nhà cung cấp theo **phụ lục I** đính kèm yêu cầu báo giá này.

Trung tâm Y tế thành phố Hà Tiên rất mong nhận được sự quan tâm và Bảng báo giá của quý công ty/đơn vị. /: /

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- BGD, CNTT (đăng tải), KD, TCKT;
- Lưu Văn thư.



Trương Thị Kim Nga